

Bản án số: 537/2022/HS-ST
Ngày: 25-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Thẩm phán: Ông Trương Công Huân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thi Thị Tuyết Nhung
2. Bà Phan Ngọc Huệ
3. Ông Phạm Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quốc Dũng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 790/2022/HSST ngày 17 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5359/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2022 đối với:

- Bị cáo:

Nguyễn Duy K; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp D, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn T và con bà Lê Thị L; Hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ (đã ly hôn) và có 01 người con (sinh năm 2011); Tiền án: không; Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/02/2021 (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa:

Luật sư Đỗ Ngọc O, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, làm việc tại Văn phòng Luật sư Đỗ Ngọc O bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Duy K (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

Ông Cao Huỳnh P, sinh năm 1979; trú tại: 5 khu phố B, phường T, Quận G,

Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: J H, P, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Duy K nguyên là Cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông Đường bộ, Đường sắt Công an Thành phố H, cấp bậc Thượng úy, đến ngày 18/10/2017 xuất ngũ. Trước đó, K có mối quan hệ quen biết với ông Huỳnh Hải L1 (sinh năm 1975), nhưng K chỉ biết nhà của ông L1 mà không biết rõ tên đệm và năm sinh của ông L1. Thông qua ông L1 giới thiệu, K quen biết ông Cao Huỳnh P. K giới thiệu với ông P, K là Cán bộ Cảnh sát giao thông, gọi ông L1 bằng cậu.

Vào thời điểm tháng 10/2017 ông L1 bị bệnh Xuất huyết não bán cầu trái, phải thường xuyên nhập viện để điều trị, K đã lợi dụng vào bệnh tình của ông L1 để lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông P. Theo đó K đã thuê đối tượng không rõ lai lịch làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH331727 (diện tích 264m², địa chỉ số C Đường số A, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh) tên Huỳnh Quốc L2 do Ủy ban nhân dân Quận H cấp ngày 16/9/2008 và làm giả Chứng minh nhân dân tên Huỳnh Quốc L2 (sinh năm 1966, địa chỉ số D đường H, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá 7.000.000 đồng. Sau khi có giấy tờ giả, K nói với ông P là K cần bán thửa đất thửa đất 264 m², tại địa chỉ số C Đường số A, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, là đất của ông L2 ký Hợp đồng công chứng ủy quyền cho K và K sẽ ký Hợp đồng công chứng chuyển nhượng, giá 32 triệu đồng/m² (tổng giá bán là 8.448.000.000 đồng). Tin tưởng K là Cán bộ Cảnh sát giao thông và là cháu của ông L2, đất có giấy tờ đầy đủ, nên ông P chỉ đi xem vị trí đất theo chỉ dẫn của K mà không kiểm tra tình trạng pháp lý, rồi đồng ý mua đất của K giới thiệu. Ngày 02/10/2017, ngày 09/10/2017 và ngày 12/10/2017 ông P đã giao cho K 500 triệu đồng.

Đến ngày 12/11/2017, ông P và K đi cùng anh Phan Võ Hoàng T1 là Nhân viên Văn phòng C (địa chỉ số D đường N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh) đến nhà ông L2 (địa chỉ số D đường H, Phường G, quận B) để ký Hợp đồng ủy quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất (ông L2 ủy quyền cho K để K ký mua bán với ông P, K nói do ông L2 bị bệnh tai biến không đi lại được nên phải đến nhà). Đến nơi, K nói ông P ngồi trên xe ô tô chờ, còn K và anh T1 đi vào nhà ông L2 để ký Hợp đồng ủy quyền. Khi gặp ông L2, K gặp riêng ông L2 và nói dối ông L2 là ký Hợp đồng ủy quyền cho K, để K làm thủ tục thanh toán tiền bảo hiểm cho ông L2. Do tin tưởng K, nên ông L2 đã ký vào Hợp đồng ủy quyền theo yêu cầu của K. Sau đó, K và anh T1 đi ra xe ông P, K đưa Hợp đồng ủy quyền (chưa ký công chứng), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, Chứng minh nhân dân giả tên Huỳnh Quốc L2 và Căn cước công dân của K cho ông P để làm tin và yêu cầu ông P đưa thêm 02 tỷ đồng. Do thấy Hợp đồng ủy quyền chưa đóng dấu phát hành, nhưng đã có người của Phòng công chứng chứng kiến và K giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ông P đồng ý đưa thêm 02 tỷ đồng cho K và K ký và viết xác nhận đã nhận tổng cộng 2,5 tỷ đồng để chuyển nhượng

quyền sử dụng đất, nhưng ghi nhầm ngày là 18/11/2017. Sau đó, tất cả đến Văn phòng C để ký xác nhận, đóng dấu phát hành Hợp đồng ủy quyền và ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thì Công chứng viên phát hiện dấu vân tay tên Huỳnh Quốc L2 trên Hợp đồng ủy quyền không giống dấu vân tay tên Huỳnh Quốc L2 trên Chứng minh nhân dân xuất trình, nên đã không thực hiện thủ tục ký công chứng, do đó ông P yêu cầu K phải trả lại 02 tỷ đồng, K nói tiền đã để ở nhà ông L2, phải quay lại lấy tiền và lấy Chứng minh nhân dân khác của ông L2. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, K đưa Chứng minh nhân dân tên Huỳnh Quốc L2 khác để làm thủ tục công chứng, qua kiểm tra Công chứng viên phát hiện dấu vân tay tên Huỳnh Quốc L2 trên Chứng minh nhân dân vẫn không giống dấu vân tay tên Huỳnh Quốc L2 trên Hợp đồng ủy quyền đã ký, nên không thực hiện thủ tục ký công chứng. Lúc này, K hẹn ông P trong thời hạn 03 ngày sẽ làm Chứng minh nhân dân mới cho ông L2, hợp lệ để làm thủ tục ký công chứng, nếu không làm được sẽ bồi thường cho ông P gấp đôi số tiền K đã nhận và do tin tưởng K nên ông P đồng ý. Sau khi chiếm đoạt được 2,5 tỷ đồng của ông P, K đưa cho ông L2 14,5 triệu đồng để mua sữa và mua thuốc chữa bệnh, số tiền còn lại K sử dụng cá nhân.

Do K không thực hiện cam kết nhưng không trả lại tiền, cắt liên lạc với ông P, nên ngày 05/6/2019, ông P viết đơn gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tố cáo K, giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH331727 (giấy giả), tên Huỳnh Quốc L2; Chứng minh nhân dân (giấy giả), tên Huỳnh Quốc L2; 02 Giấy biên nhận tiền và Hợp đồng ủy quyền (bản phô tô), để phục vụ điều tra.

Quá trình điều tra, ngày 04/12/2021, chị Huỳnh Hải Nam T2 (em ruột ông Huỳnh Hải L1) đã thay mặt ông L1 giao nộp lại số tiền 14,5 triệu đồng mà ông L1 đã nhận từ K.

Kết luận giám định số 1423/KLGD-TT ngày 02/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định:

“1. Chữ ký mang tên Nguyễn Văn D trên tài liệu cần giám định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH331727) ký hiệu A1 so với chữ ký của Nguyễn Văn D trên các tài liệu làm mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 không phải do cùng một người ký ra.

2. Hình dấu tròn có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8 TP.HỒ CHÍ MINH” trên tài liệu cần giám định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH331727 giả) ký hiệu A1 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

3. Giấy Chứng minh nhân dân cần giám định ký hiệu A2 (Chứng minh nhân dân giả, tên Huỳnh Quốc L2) là giả”.

Kết luận giám định số 1159/KLGD-TT ngày 04/3/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “Bản in Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH331727, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất H00792, đề tên người sử dụng đất Huỳnh Quốc L2, sinh năm 1966, đề ngày 16/9/2008, được làm giả bằng phương pháp in phun màu”.

Kết luận giám định số 115/KLGĐ-TT ngày 13/12/2018 của Phòng K1 Công an Thành phố H xác định: ‘Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết họ tên Nguyễn Duy D1, chữ viết có nội dung “Đã nhận 400.000.000 (Bốn trăm triệu đồng chẵn)” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1; chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Duy K, chữ viết có nội dung ‘Hôm nay ngày 18/11/2017 có nhận của anh Cao Huỳnh P 2.000.000.000 (Hai tỷ đồng chẵn)” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Duy K trên các tài liệu làm mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người ký và viết ra”.

Quá trình điều tra do Nguyễn Duy K bỏ trốn, không thi hành được Lệnh bắt bị can để tạm giam, nên ngày 26/9/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định truy nã đối với K. Đến ngày 25/02/2021, K bị bắt theo Quyết định truy nã. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, K khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Theo Cáo trạng số 209/CT-VKS-P2 ngày 25/4/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Duy K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

- Trong phần công bố Cáo trạng, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến về điều luật truy tố bị cáo K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: Bị cáo có hành vi lừa đảo số tiền trên 500.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 12 năm tù đến 20 năm tù hoặc tù chung thân là không làm bất lợi cho bị cáo, nhưng do bị cáo có hành vi phạm tội vào năm 2017 nên cần áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 để truy tố bị cáo là phù hợp, do đó tại phiên tòa hôm nay Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xin thay đổi điều khoản truy tố bị cáo như sau: truy tố bị cáo Nguyễn Duy K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Về tội danh “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” thì Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên truy tố theo khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng đã thể hiện.

- Bị hại Cao Huỳnh P trình bày rằng mẹ bị cáo đã bồi thường cho ông số tiền 900.000.000 đồng, nay ông yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại cho ông là 1.600.000.000 đồng.

- Tại phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm luận tội:

Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ

của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Duy K từ 14 năm đến 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, từ 01 năm đến 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo K phải chịu mức án từ 15 năm đến 17 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Luật sư Đỗ Ngọc O bào chữa cho bị cáo đồng ý với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố và đình chính tại phiên tòa đối với bị cáo Nguyễn Duy K. Về điều khoản mà Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử bị cáo đã được Tòa án ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử nên việc Tòa án xét xử bị cáo theo điều khoản cao hơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Và trong trường hợp Tòa án xét xử bị cáo theo điều khoản cao hơn thì luật sư không có ý kiến, chỉ nêu các tình tiết giảm nhẹ để Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo, đó là: trước khi khởi tố vụ án, mẹ bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại với số tiền là 900.000.000 đồng; hành vi phạm tội của bị cáo đã được công chứng viên phát hiện, ngăn chặn kịp thời; nhân thân bị cáo tốt, lần đầu phạm tội, bản thân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, trước đây đã từng tham gia lực lượng Cảnh sát giao thông; hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, vợ bị cáo đã ly hôn và có 01 con nhỏ (sinh năm 2011). Từ đó, Luật sư xin Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ để cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

- Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị đối với bị cáo K vì mức hình phạt này đã cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và tương xứng với hành vi phạm tội cũng như nhân dân của bị cáo. Về phía Luật sư cũng giữ nguyên quan điểm bào chữa cho bị cáo.

Tại phần lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức hình phạt nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, luật sư bào chữa đã thực đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Do vậy, các hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Bị cáo Nguyễn Duy K đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, chứng minh nhân dân giả rồi lừa dối ông Cao Huỳnh P gây ra hậu quả rất nghiêm trọng, nhưng Cáo trạng số 209/CT-VKS-P2 ngày 25/4/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân

Thành phố Hồ Chí Minh chỉ truy tố bị cáo “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là chưa chính xác, nên ngày 22/9/2022 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều nội dung, trong đó có nội dung điều chỉnh khung hình phạt truy tố bị cáo K về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” nhưng Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Do đó, đến ngày 27/10/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, trong đó đã nêu rõ Tòa án sẽ xét xử bị cáo K về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy, nay Tòa án xét xử bị cáo K về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Theo lời khai nhận của bị cáo, lời khai của bị hại, các kết luận giám định cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Nguyễn Duy K nguyên là Cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông Đường bộ, Đường sắt Công an Thành phố H, cấp bậc Thượng úy, đến ngày 18/10/2017 xuất ngũ. Trước đó, K có mối quan hệ quen biết với ông Huỳnh Hải L1 (sinh năm 1975), nhưng K chỉ biết nhà của ông L1 mà không biết rõ tên đệm và năm sinh của ông L1. Thông qua ông L1 giới thiệu, K quen biết ông Cao Huỳnh P. K giới thiệu với ông P, K là Cán bộ Cảnh sát giao thông, gọi ông L1 bằng cậu.

Vào thời điểm tháng 10/2017 ông L1 bị bệnh Xuất huyết não bán cầu trái, phải thường xuyên nhập viện để điều trị, K đã lợi dụng vào bệnh tình của ông L1 để lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông P. Theo đó K đã thuê đối tượng không rõ lai lịch làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH331727 (diện tích 264m², địa chỉ số C Đường số A, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh) tên Huỳnh Quốc L2 do Ủy ban nhân dân Quận H cấp ngày 16/9/2008 và làm giả Chứng minh nhân dân tên Huỳnh Quốc L2 (sinh năm 1966, địa chỉ số D đường H, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá 7.000.000 đồng. Sau khi có giấy tờ giả, K nói với ông P là K cần bán thửa đất thửa đất 264 m², tại địa chỉ số C Đường số A, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, là đất của ông L2 ký Hợp đồng công chứng ủy quyền cho K và K sẽ ký Hợp đồng công chứng chuyển nhượng, giá 32 triệu đồng/m² (tổng giá bán là 8.448.000.000 đồng). Tin tưởng K là Cán bộ Cảnh sát giao thông và là cháu của ông L2, đất có giấy tờ đầy đủ, nên ông P chỉ đi xem vị trí đất theo chỉ dẫn của K mà không kiểm tra tình trạng pháp lý, rồi đồng ý mua đất của K giới thiệu. Ngày 02/10/2017, ngày 09/10/2017 và ngày 12/10/2017 ông P đã giao cho K 500 triệu đồng.

Đến ngày 12/11/2017, sau K đưa cho ông P hợp đồng ủy quyền (chưa ký công chứng), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, chứng minh nhân dân giả tên Huỳnh Quốc L2 và Căn cước công dân của K cho ông P để làm tin và yêu cầu ông P đưa thêm 2.000.000.000 đồng, nhưng thấy Hợp đồng ủy quyền chưa đã được hai bên ký có sự chứng kiến của người của Văn phòng công chứng và K giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ông P đã đưa thêm

2.000.000.000 đồng cho K. Sau đó, tất cả đến Văn phòng C để ký xác nhận, đóng dấu phát hành Hợp đồng ủy quyền và ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thì Công chứng viên phát hiện dấu vân tay tên Huỳnh Quốc L2 trên Hợp đồng ủy quyền không giống dấu vân tay tên Huỳnh Quốc L2 trên Chứng minh nhân dân xuất trình, nên đã không thực hiện thủ tục ký công chứng, do đó ông P yêu cầu K phải trả lại tiền nhưng K không trả và bỏ trốn. Đến ngày 25/02/2021, K bị bắt theo Quyết định truy nã.

Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Duy K đã có hành vi làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, chứng minh nhân dân giả tên Huỳnh Quốc L2 rồi lừa dối (thực hiện hành vi trái pháp luật) đối với ông Cao Huỳnh P và đã chiếm đoạt 2.500.000.000 đồng của ông P. Do đó bị cáo K đã xâm phạm 02 khách thể khác nhau đó là xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, đến sự hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân.

Với hành vi nêu trên đã hoàn toàn đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Duy K phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 267 và điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Cáo trạng số 209/CT-VKS-P2 ngày 25/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Duy K phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội.

So sánh khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 với khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì mức hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có mức hình phạt thấp hơn. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, thì Hội đồng xét xử áp dụng điều khoản có lợi cho bị cáo được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015, cụ thể tuyên phạt bị cáo K phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

So sánh khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 với khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì có mức hình phạt bằng nhau, cụ thể là: từ 12 năm tù đến 20 năm tù hoặc tù chung thân. Do đó, trong trường hợp này cần áp dụng luật có hiệu lực tại thời điểm xảy ra tội phạm là điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, nhưng Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh lại truy tố bị cáo K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là chưa thực sự chính xác. Tuy vậy, tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã đính chính, thay đổi điều khoản truy tố bị cáo K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ.

[3] Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân và bị cáo hành vi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, giấy chứng minh nhân dân giả rồi lừa dối (thực hiện hành vi trái pháp luật) là nghiêm trọng, xâm phạm đến hoạt động bình thường trong lĩnh vực quản lý hành chính của cơ quan Nhà nước về con dấu, tài liệu. Những hành vi vi phạm này đã gây mất trật tự trị an của xã hội nên cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm mới bảo đảm tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Nhưng, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo; có thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại một phần lớn thiệt hại với số tiền 900.000.000 đồng và bị cáo có một con còn nhỏ (sinh năm 2011) nên cũng cho bị cáo hưởng các tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Trong vụ án này, bị cáo phạm 02 tội nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để tổng hợp hình phạt theo quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại Cao Huỳnh P số tiền 900.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Duy K phải hoàn trả cho bị hại số tiền còn lại là 1.600.000.000 đồng và bị cáo cũng đồng ý bồi thường số tiền này cho bị hại. Xét thấy thỏa thuận này của hai bên là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy vậy, trong quá trình điều tra, do ông Huỳnh Hải L1 tự nguyện nộp lại số tiền mà Nguyễn Duy K đã đưa cho ông L1 trước đó là 14.500.000 đồng, hiện số tiền này đã tạm giữ trong tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, nên cần trích số tiền 14.500.000 đồng (mười bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) có trong tài khoản số 39490905977500000 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh mở tại Kho bạc Nhà nước Q10 để trả lại cho ông Cao Huỳnh P và cần trừ số tiền 14.500.000 đồng này vào số tiền 1.600.000.000 đồng mà bị cáo K phải bồi thường cho bị hại Cao Huỳnh P, sau khi cần trừ thì bị cáo K phải bồi thường cho bị hại Cao Huỳnh P với số tiền là 1.585.500.000 đồng.

[6] Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 USB có nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa chị Huỳnh Hải Nam T2 (em ruột ông Huỳnh Hải L1) với Nguyễn Duy K, do chị T2 giao nộp (đã giám định, trích xuất nội dung dữ liệu) lưu hồ sơ vụ án. Xét thấy đây là chứng cứ của vụ án nên cần tiếp tục lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

[7] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận một phần lời trình bày của

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và một phần lời trình bày của Luật sư tại phiên tòa.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Nguyễn Duy K** 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc Nguyễn Duy K phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/02/2021.

2. Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Trích số tiền 14.500.000 đồng (mười bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) có trong tài khoản số 39490905977500000 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh mở tại Kho bạc Nhà nước Quận 10 (theo Giấy nộp tiền ngày 06/12/2021 của Ngân hàng TMCP C1) để trả lại cho ông Cao Huỳnh P. Thi hành ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc Nguyễn Duy K phải bồi thường cho ông Cao Huỳnh P số tiền 1.585.500.000 đồng (một tỷ, năm trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng). Thi hành ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chưa thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Tiếp tục lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án 01 (một) cái USB.

3. Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo phải nộp 59.565.000 đồng (năm mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

4. Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Người bào chữa; (1)
- THAHS; (1)
- P. PC 53 - CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (18) (4)

Ngô Ngọc Thắng